

**BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỀ KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Công văn số /STC-NS ngày tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính Lai Châu)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số kiến nghị	Số đã thực hiện đến năm 2021	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú
A	B	1	2	3=1-2	
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI)	676.867.429.662	564.013.450.317	112.853.979.344	
I	Kiểm toán NSDP niên độ ngân sách năm 2012	71.344.108.878	52.764.707.125	18.579.401.753	
1	Các khoản tăng thu	3.955.376.228	1.155.386.400	2.799.989.828	
2	Các khoản giảm dự toán, giảm cấp phát do thừa kinh phí , giảm quyết toán do không đủ thủ tục, thu hồi nộp ngân sách do chi sai chế độ	53.214.132.650	47.796.720.725	5.417.411.925	
2.1	Chi thường xuyên	52.525.694.126	47.320.512.026	5.205.182.100	
-	Thu hồi các khoản chi sai chế độ	1.521.299.250	1.521.299.250	0	
-	Giảm thanh toán, dự toán NSNN	50.516.498.966	45.311.316.866	5.205.182.100	
-	Giảm quyết toán NSNN các khoản không đủ thủ tục	487.895.910	487.895.910	0	
2.2	Chi đầu tư xây dựng	688.438.524	476.208.699	212.229.825	
-	Thu hồi các khoản chi sai chế độ	476.208.699	476.208.699	0	
-	Giảm cấp phát, thanh toán các khoản chi sai chế độ	212.229.825	0	212.229.825	
3	Các khoản nợ đọng	2.207.800.000	2.207.800.000	0	
4	Các khoản phải nộp, hoàn trả NSNN và QLQNS	11.966.800.000	1.604.800.000	10.362.000.000	
II	Kiểm toán NSDP niên độ ngân sách năm 2014	75.566.078.799	60.908.789.799	14.657.289.000	
1	Nộp trả NSNN	208.928.000	208.928.000	0	
2	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.005.480.235	1.005.480.235	0	
3	Giảm trừ dự toán và thanh toán năm sau	74.351.670.564	59.694.381.564	14.657.289.000	
III	Cuộc kiểm toán ngân sách địa phương niên độ ngân sách năm 2015	33.525.379.167	31.848.997.134	1.676.382.033	
1	Kiến nghị tăng thu ngân sách	2.468.353.954	2.329.333.848	139.020.106	
2	Kiến nghị thu hồi chi thường xuyên nộp trả NSNN (Các khoản kinh phí hết nhiệm vụ chi)	14.001.557.233	13.736.441.508	265.115.725	
3	Kiến nghị thu nôi nộp NSNN chi đầu tư XD CB	1.119.104.009	1.119.104.009	0	
4	Kiến nghị giảm trừ dự toán TX, ĐT	15.820.284.575	14.548.038.373	1.272.246.202	
5	Kiến nghị khác	116.079.396	116.079.396	0	
IV	Thanh tra công tác quản lý ngân sách nhà nước năm 2016 của Thanh tra Bộ Tài chính	54.042.927.142	43.851.443.030	10.191.484.112	
1	Giao Kho bạc nhà nước tỉnh: Thu hồi tạm ứng của các dự án đầu tư	28.535.169.016	18.575.896.016	9.959.273.000	
2	Giao Cục Thuế tỉnh: Thực hiện thu vào ngân sách số tiền Công ty cổ phần đất hiếm Lai Châu-VIMICO nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm 2015, 2016 là 14.880.926.000 đồng và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 là 7.440.463.000 đồng.	22.231.389.000	22.231.389.000	0	
3	Giao các chủ đầu tư	3.276.369.126	3.044.158.014	232.211.112	
	<i>Huyện Mường Tè: Giảm trừ dự toán các dự án đầu tư</i>	1.052.573.520	820.362.408	232.211.112	
	<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Lai Châu</i>	1.199.459.586	1.199.459.586	0	
	<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu</i>	1.001.442.076	1.001.442.076	0	
	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu</i>	22.893.944	22.893.944	0	
V	Kiểm toán NSDP niên độ ngân sách năm 2017	187.728.508.466	172.349.871.952	15.378.636.514	

STT	Nội dung	Tổng số kiến nghị	Số đã thực hiện đến năm 2021	Số còn lại chưa thực hiện	Ghi chú
1	Nộp NSNN các khoản thuế và các khoản thu khác tăng thêm	5.443.332.970	2.125.644.842	3.317.688.128	
	<i>Thuế GTGT</i>	4.341.189.659	1.313.453.630	3.027.736.029	
	<i>Thuế TNDN</i>	1.102.143.311	812.191.212	289.952.099	
2	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	589.049.937	418.374.501	170.675.436	
	<i>Chi thường xuyên</i>	36.232.000	36.232.000	0	
	<i>Chi đầu tư</i>	552.817.937	382.142.501	170.675.436	
3	Giảm thuế GTGT còn được khấu trừ	450.241.984	450.241.984	0	
4	Giảm phải thu NSNN về thuế	36.963.394	36.963.394	0	
5	Thu hồi nộp trả kinh phí thừa	51.126.205.108	41.845.783.695	9.280.421.413	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	34.403.919.168	34.403.919.168	0	
	<i>Vốn đầu tư</i>	16.722.285.940	7.441.864.527	9.280.421.413	
6	Giảm dự toán, thanh toán năm sau các dự án đầu tư	24.745.655.240	24.745.654.789	451	
7	Giảm dự toán, thanh toán năm sau chi thường xuyên	79.476.998.979	79.476.998.979	0	
8	Điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng	20.934.002.341	18.324.151.255	2.609.851.086	
9	Các chủ đầu tư hoàn thiện, bổ sung hồ sơ để đưa vào nghiệm thu, thanh, quyết toán theo đúng chế độ quy	2.963.566.326	2.963.566.326	0	
10	Kiến nghị xem xét chấp nhận, hoặc không chấp nhận nghiệm thu thanh toán phần chi phí 10% phụ cấp nhân công theo quy định tại văn bản 2464/BXD-KTXD ngày 03/10/2018 của Bộ Xây dựng	1.962.492.187	1.962.492.187	0	
VI	Kiểm toán NSDP niên độ ngân sách năm 2019	254.660.427.209	202.289.641.277	52.370.785.932	
1	Các khoản tăng thu NSNN	13.750.000	13.750.000	0	
2	Thu hồi nộp các khoản chi sai quy định	2.243.548.253	2.164.165.621	79.382.632	
3	Thu hồi nộp trả kinh phí thừa chi thường xuyên	74.120.827.143	74.120.827.143	0	
	<i>Nộp trả NSTW</i>	31.862.939.329	31.862.939.329	0	
	<i>Nộp trả NS tỉnh</i>	42.257.887.814	42.257.887.814	0	
4	Thu hồi nộp trả kinh phí thừa chi đầu tư (Nộp trả	24.626.006.571	20.921.721.811	3.704.284.760	
5	Giảm dự toán, thanh toán năm sau chi thường xuyên	141.530.917.033	94.112.482.436	47.418.434.597	
6	Giảm dự toán, thanh toán năm sau các dự án đầu tư	2.477.309.149	2.297.739.149	179.570.000	
7	Giảm giá trị hợp đồng	9.648.069.060	8.658.955.117	989.113.943	